

PHỤ LỤC 02

QUY ĐỊNH DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CÔNG LẬP KHÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số: 77/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Các khoản thu quy định mức cụ thể			
1	Thi khảo sát chất lượng học sinh cuối cấp THPT, GDTX chương trình THPT do Sở GDĐT tổ chức	đồng/học sinh/môn thi	40.000	Có dự toán chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo
2	Tiền bằng tốt nghiệp của học sinh THCS (nằm trong mức thu học phí của học sinh)	đồng/học sinh	10.000	- Bằng mức năm học trước. Trong đó: Tiền phôi bằng mua tại Bộ: 5.000đ; Tiền giấy in đề thi tốt nghiệp của học sinh THPT, GDTX chương trình THPT: 2.000 đ; Dự phòng in hồng, ghi bằng, ép bằng, nhập, kiểm tra, đối chiếu, soát xét dữ liệu, vận chuyển bốc vác, quản lý theo dõi cấp phát và lưu trữ hồ sơ văn bằng tốt nghiệp: 5.000đ.
3	Tiền giấy in đề, bằng tốt nghiệp của học sinh THPT, GDTX chương trình THPT (nằm trong mức thu học phí của học sinh)	đồng/học sinh	12.000	- Khoản thu này được trích từ nguồn thu học phí của học sinh để chuyển nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo dùng mua phôi và hoàn thiện bằng tốt nghiệp (Học sinh không phải nộp khoản thu này).
II	Các khoản thu quy định mức tối đa (các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết thu, chi; xác định mức thu để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về việc thu đảm bảo thu đủ bù chi, không vượt mức quy định dưới đây)			
1	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính (trông trẻ thứ 7; trông trẻ trong hè; đón sớm, trả muộn)			
	+ Ngày thứ 7 (cho giáo viên trực tiếp giảng dạy)	đồng/ học sinh/ ngày	38.000	TPHD: 150.000đ/tháng (37.500đ/ ngày); Quảng Ninh: 140.000đ/ tháng; Hải Phòng: 150.000đ/tháng.
	+ Ngày hè (đã bao gồm trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, ngoài giờ, quản lý)	đồng/học sinh/giờ	4.000	4.000đ * 12 tiếng/ ngày * 26 ngày = 1.248.000đ. Mức thu hiện tại của trường cao nhất khoảng gần 900.000đ.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	+ Đón sớm, trả muộn (trong năm học)	đồng/học sinh/giờ	4.000	Lương BQ 1 giáo viên: 3,2 (tương ứng lương CB, PCCV, PCVK) Tổng lương, phụ cấp 1 tháng: 4.768.000đ Tiền lương bình quân 1 giờ: 4.768.000/22 ngày/8giờ = 27.090 đ/1 giờ Tiền lương thanh toán vượt giờ theo chế độ: 27.090.000đ*1,5 = 40.635đ Tiền thanh toán 01 giờ cho 01 lớp: 40.635đ/1 giờ x 2 giáo viên/lớp = 81.270đ/1 giờ Bình quân 20 trẻ/lớp, mức thu cho 01 trẻ: 81.270đ/01 giờ : 20 trẻ = 4.036đ/trẻ/1 giờ
2	Bán trú			
2.1	Tiền ăn (nhà trẻ: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; mẫu giáo: 1 bữa chính, 1 bữa phụ; Tiểu học, THCS: 1 bữa chính, 1 bữa phụ)			
	+ Mầm non, Tiểu học	đồng/học sinh/ngày	23.000	
	+ THCS (nếu có)	đồng/học sinh/ngày	25.000	
2.2	Phụ phí (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)			
	+ Mầm non, THCS (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	65.000	tính cho 26 ngày
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	45.000	tính cho 22 ngày
2.3	Chăm sóc, phục vụ bán trú (trà người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)			Trông trưa không quá 2 tiếng/ ngày
	+ Mầm non, THCS (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	240.000	Mức thu tối đa tại TPHD, tính cho 26 ngày
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	145.000	Mức thu tối đa tại TPHD, tính cho 22 ngày
2.4	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh (trẻ) bán trú lần đầu	đồng/học sinh	200.000	TP Hải Dương: 200.000đ; Hải Phòng: 360.000đ; Ninh Bình: 300.000đ; Quảng Ninh: 50.000đ/ năm; Thái Bình: thỏa thuận)
3	Dạy 2 buổi/ngày ở tiểu học và làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo	đồng/học sinh/tiết	5.000	HS'Lương BQ 1 giáo viên TH: 5,5 (tương ứng HSL là 3,5, PC thâm niên nhà giáo 16%; PC ưu đãi 35%, + PCCV, VK 0,14) Tổng lương, phụ cấp 1 tháng: 5,5 * 1.490.000đ = 8.195.000đ Lương BQ 1 giờ theo TT 07: 8.195.000đ*12t/ 52tuần*35 tuần/703 tiết = 94.154đ/ tiết Tiền thanh toán vượt giờ theo chế độ: 94.154 x 1,5 = 141.231đ/1tiết Bình quân 35 hs/lớp, mức thu cho 01 hs: 141.231/1 giờ : 35hs = 4.035đ/hs/1 giờ 4.035 đ/1hs/1 giờ : 80 x 100 = 5.043 đ/1hs/1 giờ, làm tròn 5.000đ/h

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
4	<p>Dạy thêm, học thêm (Đối với học sinh THCS: Lớp 6 và lớp 7 không quá 3 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 3 tiết; Lớp 8 và lớp 9 không quá 4 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 3 tiết. Ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 đối với học sinh lớp 9 sau khi đã hoàn thành chương trình: Không quá 7 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 4 tiết.</p> <p>- Đối với học sinh THPT và GDTX: Lớp 10 và lớp 11 không quá 4 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 3 tiết; Lớp 12 không quá 5 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 3 tiết. Ôn thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học, cao đẳng đối với lớp 12 sau khi đã hoàn thành chương trình: Không quá 7 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 4 tiết)</p>			
4.1	Trung học phổ thông	đồng/học sinh/tiết	8.000	<p>Lương BQ 1 giáo viên THPT: 4,01 (tương ứng PC thâm niên nhà giáo 16%); PC ưu đãi 30%. Tổng lương, phụ cấp 1 tháng: 5.974.900đ + 955.984đ + 1.792.470đ = 8.723.354đ</p> <p>Lương BQ 1 giờ: 8.723.354đ : 74,8 giờ/tháng = 116.622 đ</p> <p>Tiền thanh toán vượt giờ theo chế độ: 116.622đ x 1,5 = 174.934đ/1giờ</p> <p>Bình quân 30 hs/lớp, mức thu cho 01 hs: 174.934đ/1 giờ : 30 hs = 6.000đ/hs/1 giờ</p> <p>6.000 đ/1hs/1 giờ : 80 x 100 = 8.000 đ/1hs/1 giờ</p> <p>(Ninh Bình: 6.000-8.000; Hà Nam: 5.000-10.000; Yên Bái: 8.000: Hải Phòng 10.000-12.000)</p>
4.2	Trung học cơ sở	đồng/học sinh/tiết	7.000	<p>HS Lương BQ 1 GV THCS: 6,85 (tương ứng HSL là 3,98, PC thâm niên nhà giáo 25%; PC ưu đãi 30%, +PCCV,VK 0,439) Tổng lương, phụ cấp 1 tháng: 10.206.500</p> <p>Lương BQ 1 giờ theo TT 0 7 = 10.206.500đ*12t/52tuần*35 tuần/665 tiết =123.966đ/ tiết</p> <p>Tiền thanh toán vượt giờ theo chế độ: 123.966 x 1,5 = 185.948đ/1giờ</p> <p>Bình quân 35 hs/lớp, mức thu cho 01 hs: 185.948/1 giờ : 35hs = 5.313đ/hs/1 giờ</p> <p>5.313đ/1hs/1 giờ : 80 x 100 =6.641đ/1hs/1 giờ.</p>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
4.3	Dạy thêm, học thêm tại trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Trãi	đồng/học sinh/tiết	15.000	Lương BQ 1 GV: 4,12 (trương ứng PC thâm niên nhà giáo 16%; PC ưu đãi 70%; PC trách nhiệm 0,3). Tổng lương, PC 1 tháng: 6.138.800đ + 982.208đ + 4.297.160đ + 447.000 = 11.865.168đ Lương BQ 1 giờ: 11.865.168đ : 74,8 giờ/tháng = 158.625 đ Tiền thanh toán vượt giờ theo chế độ: 158.625đ x 1,5 = 237.938đ/1giờ Bình quân 20 hs/lớp, mức thu cho 01 hs: 237.938đ/1 giờ : 20 hs = 12.000đ/hs/1 giờ 12.000 đ/1hs/1 giờ : 80 x 100 = 15.000 đ/1hs/1 giờ
4.4	Học thêm tiếng nước ngoài (giáo viên người nước ngoài dạy)	đồng/học sinh/tiết	40.000	Hải Phòng: quận 40.000đ, huyện 35.000đ; Quảng Ninh 30.000đ, TPHD: từ 40.000-50.000 đồng
4.5	Dạy kỹ năng sống đối với học sinh phổ thông (do tổ chức được cấp phép triển khai tại nhà trường)	đồng/học sinh/tiết	12.000	Hải Dương: 40.000-50.000đ/ tháng/ hs; Hải Phòng: quận 12000đ/ tiết, huyện 10.000đ/ tiết; Bắc Giang 10.000đ/ tiết,
5	Đồ dùng đồ chơi và học liệu (đối với mầm non)			
	+ Nhà trẻ	đồng/ trẻ/ năm học	200.000	Hàng năm các nhà trường kiểm kê và bổ sung đồ dùng thiếu, thay thế đồ dùng hỏng. Đây là mức thu địa bàn TPHD và một số huyện
	+ Mẫu giáo 3-4 tuổi	đồng/ trẻ/ năm học	250.000	
	+ Mẫu giáo 5 tuổi	đồng/ trẻ/ năm học	300.000	
6	Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử	đồng/học sinh/tháng	10.000	Khuyến khích nhà trường dùng zalo
7	Thẻ học sinh (không tích hợp với thẻ ngân hàng)	đồng/ học sinh/ lần cấp	30.000	Báo giá của Công ty TNHH MTV Đông Anh, số 186 Quang Trung, TPHD (MST 0800450216); tỉnh Ninh Bình: 30.000đ; huyện Ninh Giang: 25.000đ
8	Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ nghệ thuật, thể dục thể thao	đồng/học sinh/ tiết	8.000	Bắc Giang: thành thị 7.000đ, nông thôn 6.000đ; Quảng Ninh theo thỏa thuận
9	Nước uống cho học sinh	đồng/học sinh/tháng	7.000	
10	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)	đồng/học sinh/tháng	20.000	
III	Các khoản thu không quy định mức thu, mức trần			
1	Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.	đồng/học sinh/tháng	Theo thực tế số điện năng sử dụng	Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình: theo thực tế